

Cầu Giấy, ngày 13 tháng 01 năm 2022

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên chấp nhận.

HKTT: Căn hộ 07, tầng 33, tòa nhà B, chung cư số 1 T, phường T, quận C, TP.Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thu Tr, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ngõ 167 T, phường Q, quận Đ, TP. Hà Nội.

* Bị đơn: Anh Lê Nguyên M, sinh năm 1970.

HKTT: Căn hộ 07, tầng 33, tòa nhà B, chung cư số 1 T, phường T, quận C, TP. Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Bảo L và anh Lê Nguyên M thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Bảo L và anh Lê Nguyên M cùng thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân có 01 (Một) con chung là cháu Lê Hoàng Q, sinh ngày 06/01/2007. Ly hôn, chị L và anh M thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Lê Hoàng Q cho chị Nguyễn Ngọc Bảo L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng một tháng), kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Mạnh được quyền tự do đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Chị Nguyễn Ngọc Bảo L và anh Lê Nguyên M cùng thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tài sản chung là: Căn hộ số chung cư số 3307 – Tòa B, tại chung cư Khu nhà ở cao cấp Vigalacera – T N01, diện tích sàn 130.9 m² (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 007804 ngày 17/9/2016 vào sổ cấp GCN: CS 24981 mang tên Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bà Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh năm 1982 và ông Lê Nguyên M, sinh năm 1970).

Ly hôn anh chị thống nhất chia tài sản chung nêu trên như sau: Anh M tự nguyện cam kết thanh toán cho chị L số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), anh Lê Nguyên M sẽ được toàn quyền sở hữu, định đoạt và sử dụng căn hộ chung cư nêu trên.

Đối với các tài sản chung khác, anh chị thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Chị Nguyễn Ngọc Bảo L và anh Lê Nguyên M cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về chi phí thẩm định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Ngọc Bảo L về việc chịu toàn bộ chi phí thẩm định giá tài sản là 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), đã thanh toán xong.

6. Về án phí:

- Chị Nguyễn Ngọc Bảo L phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). ghi nhận sự tự nguyện của chị Linh về việc chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh M là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Ngọc Bảo L phải nộp 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) án phí hôn nhân gia đình

sơ thẩm đối với phần tài sản chị L được hưởng, được trừ 34.300.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Ngọc Bảo L đã theo các biên lai thu số 0017574 ngày 29/4/2021 và biên lai thu số 0017590 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Nay chuyển thành án phí. Chị L còn phải tiếp tục nộp số tiền 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*) án phí.

- Anh Lê Nguyên M phải nộp 74.000.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với phần tài sản anh Mạnh được hưởng.

III. Các vấn đề khác:

1. Kể từ ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không thi hành án, thì người bị thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Sau khi đã thi hành án xong anh Lê Nguyên M có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 007804 ngày 17/9/2016 vào sổ cấp GCN: CS 24981 sang tên anh Lê Nguyên M theo quy định của pháp luật.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
 - VKSND quận C, TP. Hà Nội;
 - Chi cục THADS quận C, TP. Hà Nội;
 - UBND phường T, quận H, TP. Hà Nội;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 13 Quyển số 01/2006 ngày 23/01/2006);
- Các đương sự;
 - Lưu VP; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ THỊ THU HẰNG